TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2017
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Vi Thanh Hà**.
- *Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:*
1. Ông **Nguyễn Tiến Tập**
2. Ông **Thái Quang Định**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Thắng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà:* Ông **Phạm Tiến Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 về việc: ***"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"***, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị **Lê Thị Hồng C**, sinh năm 1976.
Địa chỉ: tổ X, khu Đ, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên toà.

2. *Bị đơn:* anh **Lê Ngọc T**, sinh năm 1976.
Nơi ĐKHKTT: Tổ X, khu Y, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.
Chỗ ở hiện nay: tổ X, khu Đ, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26 tháng 7 năm 2017, bản tự khai ngày 25 tháng 8 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Lê Ngọc Tkết hôn ngày 22 tháng 10 năm 2012, đăng kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố U, tỉnh Quảng

Ninh, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Qúa trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh Tthường xuyên uống rượu, không chịu tu chí làm ăn dẫn đến không quan tâm đến gia đình vợ, con, từ nguyên nhân này vợ chồng thường xuyên cãi nhau khiến không khí gia đình căng thẳng, nặng nề, anh T đã nhiều lần có hành vi xúc phạm danh dự và đánh chị. Sự việc trên đã được gia đình khuyên can, địa phương hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng tuy vẫn sống chung một nhà nhưng về mặt tình cảm vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau. Nay chị thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với anh Lê Ngọc T.

Về nuôi con chung: Chị C và anh Tcó 01 con chung là Lê Anh T, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2012; chị Cđề nghị Toà án giao con chung cho chị được trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 8 năm 2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn anh Lê Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Tvà chị C kết hôn như lời chị C trình bày là đúng. Qúa trình chung sống từ lúc kết hôn đến nay vợ chồng sống vẫn hạnh phúc. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng đôi lúc cũng xảy ra cãi nhau, anh T thừa nhận đánh chị C 01 lần, nguyên nhân cũng là do anh T uống rượu. Nay chị C có đơn xin ly hôn với anh, anh đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ vì anh xác định vẫn còn tình cảm với chị C.

Về nuôi con chung: Anh và chị C có 01 con chung như chị C trình bày là đúng. Nếu Toà án giải quyết cho ly hôn, anh đề nghị giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi, vì anh không có khả năng về kinh tế để nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Lê Ngọc T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án cũng đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh Lê Ngọc Tvà chị Lê Thị Hồng C tại chính quyền khu Đ, phường P và gia đình, đều xác định được nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu dẫn đến không quan tâm đến gia đình, vợ, con, anh T có cách ứng xử không chuẩn mực và nhiều lần có hành vi bạo lực với chị C. Sự việc đã được gia đình khuyên can, địa phương hoà giải nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi tính cách.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, các tài liệu chứng cứ các đương sự đã được tiếp cận và không có ý kiến gì, quá trình hoà giải không thành, chị C vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh T, còn anh T đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pheo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, thư ký cũng như nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xác định tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị Lê Thị Hồng C và anh Lê Ngọc T, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, cho chị Cđược ly hôn anh T, giao con chung là Lê Anh T cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị Lê Thị Hồng C và anh Lê Ngọc T có địa chỉ tại thành phố U và nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án thành phố Uông Bí là có cơ sở để xem xét giải quyết theo quy định tại: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng C và anh Lê Ngọc T kết hôn hợp pháp năm 2012, trong quá trình chung sống vợ chồng do tính cách và tình cảm không hoà hợp, anh T thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến gia đình vợ, con; Hơn nữa anh T còn có hành vi bạo lực với chị C. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T và chị C cũng đã được địa phương và gia đình khuyên can, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị C đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và không thể tồn tại kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh T là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Cả hai đương sự đều thống nhất chị Lê Thị Hồng C trực tiếp nuôi con chung, anh Lê Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy đây là sự thoả thuận tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận này là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Cả hai đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Hồng C phải nộp theo quy định.

[2.5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của chị Lê Thị Hồng C đối với anh Lê Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng C được ly hôn anh Lê Ngọc T.

2. Về nuôi con chung:

Công nhận sự thoả thuận của chị Lê Thị Hồng C và anh Lê Ngọc T như sau: Chị Lê Thị Hồng C trực tiếp nuôi con chung Lê Anh T, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2012 kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lê Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Lê Ngọc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Hồng C phải nộp 300.000[đ] (Ba trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước (Chị Lê Thị Hồng C được trừ án phí bằng tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000[đ] theo biên lai thu 0000006 ngày 01 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Uông Bí).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 14 tháng 9 năm 2017.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
-Viện kiểm sát nhân dân TP Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP Uông Bí;
-Các đương sự;
-UBND phường T, TP U;
-Lưu HS; VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Thanh Hà